

Số: 10/2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 24 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
**Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ
phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12; Luật số 42/2019/QH14; Luật số 07/2022/QH15; Luật số 131/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 88/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Căn cứ Nghị định số 101/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 425/TTr-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 53/BC-KTNS ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 5 năm 2026.
2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
4. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
5. Các nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:
 - a) Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.
 - b) Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
 - c) Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định việc áp dụng và bãi bỏ một số Nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) và Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp).

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

QUY ĐỊNH

Một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai, bao gồm: Hỗ trợ đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ trong doanh nghiệp; hỗ trợ việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn tiên tiến; hỗ trợ doanh nghiệp đạt Giải thưởng chất lượng Quốc gia, Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương; hỗ trợ xây dựng và xác lập quyền sở hữu công nghiệp; hỗ trợ thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ hoạt động xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ; hỗ trợ tác giả có bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, cơ sở ương tạo, hợp tác xã, nhóm cá nhân và cá nhân trên địa bàn tỉnh thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực được quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh, các tổ chức và cá nhân có liên quan khác trong việc tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch, bình đẳng.

2. Các chính sách hỗ trợ chỉ áp dụng một lần trong một năm cho cùng một đối tượng và nội dung hỗ trợ tại quy định này.

3. Đối với mỗi nội dung hỗ trợ, tổ chức, cá nhân được lựa chọn một nội dung hỗ trợ từ nguồn kinh phí nhà nước. Trường hợp tổ chức, cá nhân đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì được lựa chọn một mức hỗ trợ có lợi nhất.

4. Các đối tượng được hỗ trợ theo Nghị quyết này, chỉ thực hiện hỗ trợ sau khi nhiệm vụ, hoạt động được hoàn thành và được nghiệm thu, thanh lý hợp đồng hoặc có sản phẩm cụ thể được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận/xác

nhận; đồng thời bảo đảm không trùng lặp với các chính sách hỗ trợ khác từ ngân sách nhà nước.

5. Đối tượng được hưởng hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết này nếu vi phạm nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ thì phải hoàn trả kinh phí đã được hỗ trợ về ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

6. Nghị quyết không áp dụng đối với tổ chức và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các hoạt động khoa học và công nghệ có sử dụng hoặc đã được hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách được bố trí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh; các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét bố trí kinh phí thực hiện.

Chương II

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 4. Hỗ trợ, khuyến khích đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ trong doanh nghiệp

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có trụ sở chính và thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

2. Điều kiện hỗ trợ: Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư và có hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ theo Luật Chuyển giao công nghệ.

3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí trực tiếp thực hiện cho các hoạt động liên quan đến chuyển giao công nghệ sau khi hợp đồng được thanh lý hợp đồng.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Doanh nghiệp được hỗ trợ thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá, hiệu chỉnh và làm chủ công nghệ, dây chuyền sản xuất, quy trình kỹ thuật trên cơ sở nhu cầu của doanh nghiệp; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ cho doanh nghiệp. Mức hỗ trợ đến 30% giá trị Hợp đồng, nhưng tối đa không quá 300.000.000 đồng và không quá một hợp đồng/doanh nghiệp/năm.

b) Doanh nghiệp hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai dự án đầu tư đổi mới công nghệ (hợp tác phát triển công nghệ, hoàn thiện công nghệ để hình thành sản phẩm mẫu, tổ chức thử nghiệm, trình diễn, kiểm nghiệm công nghệ; hợp tác chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo) được xem xét hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản này đối với dự án đầu tư đổi mới công nghệ có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ) và thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của Chính phủ.

c) Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ

- Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị dưới 1.000.000.000 đồng: Hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng, tối đa 300.000.000 đồng/hợp đồng/doanh nghiệp/năm.

- Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị từ 1.000.000.000 đồng trở lên: Hỗ trợ 25% giá trị hợp đồng, tối đa 500.000.000 đồng/hợp đồng/doanh nghiệp/năm.

Điều 5. Hỗ trợ việc xây dựng, áp dụng thành công các hệ thống quản lý tiên tiến

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất/kinh doanh, cá nhân có trụ sở chính và hoạt động trên địa bàn tỉnh.

2. Điều kiện hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân thực hiện xây dựng, áp dụng thành công các hệ thống quản lý tiên tiến; thiết lập và áp dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm, hàng hoá.

3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân sau khi thanh lý hợp đồng và đã được cấp giấy chứng nhận phù hợp.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hệ thống quản lý chất lượng (TCVN ISO 9001 hoặc ISO 9001): Mức hỗ trợ 25.000.000 đồng/Giấy chứng nhận.

b) Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (TCVN ISO 22000, ISO 22000, HACCP, IFS, BRC, FSSC 22000): Mức hỗ trợ 25.000.000 đồng/Giấy chứng nhận.

c) Hệ thống quản lý phòng thí nghiệm (TCVN ISO/IEC 17025 hoặc ISO/IEC17025): Mức hỗ trợ 25.000.000 đồng/Giấy chứng nhận.

d) Hệ thống quản lý về môi trường (TCVN ISO 14001 hoặc ISO 14001): Mức hỗ trợ 40.000.000 đồng/Giấy chứng nhận.

e) Hệ thống quản lý năng lượng (TCVN ISO 50001 hoặc ISO 50001): Mức hỗ trợ 40.000.000 đồng/Giấy chứng nhận.

g) Hệ thống quản lý đổi mới (TCVN ISO 56001 hoặc ISO 56001): Mức hỗ trợ 100.000.000 đồng/Giấy chứng nhận.

h) Hệ thống tiêu chuẩn quốc gia về Halal (TCVN 13708:2023; TCVN 13709:2023; TCVN 13710:2023): Mức hỗ trợ 50.000.000 đồng/Giấy chứng nhận.

i) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn thiết lập và áp dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm, hàng hoá theo quy định hiện hành (yêu cầu phải được kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia) đối với các sản phẩm đạt chứng nhận OCOP 3 sao trở lên được cấp có thẩm quyền công nhận (còn hiệu lực) nhưng không quá 50.000.000 đồng/hợp đồng/đơn vị, cá nhân/năm.

k) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn thiết lập và áp dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm, hàng hoá theo quy định hiện hành (yêu cầu phải được kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia) đối với các sản phẩm, hàng hoá không phải là sản phẩm OCOP nhưng không quá 40.000.000 đồng/hợp đồng/đơn vị, cá nhân/năm.

Điều 6. Hỗ trợ doanh nghiệp đạt Giải thưởng chất lượng Quốc gia, Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương

1. Đối tượng hỗ trợ

Doanh nghiệp đạt Giải thưởng chất lượng Quốc gia theo quy định tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương.

2. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp đạt Giải Bạc chất lượng Quốc gia, Giải Vàng chất lượng Quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định; Giải thưởng Chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương do Tổ chức Chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương chứng nhận.

3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho doanh nghiệp sau khi đạt giải.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

- a) Đạt Giải Bạc chất lượng quốc gia: 30.000.000 đồng/Giải thưởng.
- b) Đạt Giải Vàng chất lượng quốc gia: 50.000.000 đồng/Giải thưởng.
- c) Đạt Giải thưởng chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương: 80.000.000 đồng/Giải thưởng.

Điều 7. Hỗ trợ xây dựng và xác lập quyền sở hữu công nghiệp

1. Đối tượng hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất/kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Đối với đăng ký bảo hộ trong nước: Các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm, dịch vụ và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.

b) Đối với đăng ký bảo hộ ở nước ngoài: Các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp ở nước ngoài, đơn đăng ký phải có quyết định chấp nhận hợp lệ hoặc các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn.

3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

- a) Đối với đăng ký bảo hộ trong nước.
 - Đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn: 30.000.000 đồng/Bằng độc quyền.
 - Đối với kiểu dáng công nghiệp: 15.000.000 đồng/Bằng độc quyền.
 - Đối với nhãn hiệu thông thường: 10.000.000 đồng/Giấy chứng nhận.
- b) Đối với đăng ký bảo hộ ở nước ngoài cho các đối tượng quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

- Đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn: 40.000.000 đồng/đơn được chấp nhận hợp lệ hoặc các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn.

- Đối với kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu: 25.000.000 đồng/đơn được chấp nhận hợp lệ hoặc các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn, nhưng không quá 02 lần/năm/đơn vị.

- Hỗ trợ tối đa không quá 20.000.000 đồng/hợp đồng/đơn vị tư vấn tra cứu thông tin về tính mới, trình độ sáng tạo để hỗ trợ cho đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích đối với các giải pháp đạt giải thưởng tại các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Hỗ trợ thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao được thành lập, chứng nhận theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, doanh nghiệp được chứng nhận lần đầu là doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao.

3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho tổ chức, doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận.

4. Nội dung và mức hỗ trợ: Doanh nghiệp được chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao được hỗ trợ 100.000.000 đồng/doanh nghiệp/chứng nhận.

Điều 9. Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có trụ sở chính và hoạt động trên địa bàn tỉnh.

2. Điều kiện hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân có sản phẩm được tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đã được đánh giá, nghiệm thu xếp loại mức đạt trở lên hoặc sản phẩm mới được tạo ra trên cơ sở kết quả của hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ để tham gia các hoạt động xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ ở trong nước (thông qua các sự kiện như: Chợ công nghệ và thiết bị (Techmart); diễn đàn cung-cầu công nghệ (TechDemo); sự kiện về công nghệ, thiết bị do Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức hoặc ở nước ngoài (trình diễn, giới thiệu, tham gia chợ, hội chợ công nghệ...) theo văn bản giới thiệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sau khi tham gia.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ tham gia xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ ở trong nước: 30.000.000 đồng/đơn vị, cá nhân/sự kiện/năm.

b) Hỗ trợ tham gia xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ ở nước ngoài: 60.000.000 đồng/đơn vị, cá nhân/sự kiện/năm.

Điều 10. Hỗ trợ tác giả có bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín (nằm trong danh mục Web of science, Scopus)

1. Đối tượng hỗ trợ: Tác giả hoặc đồng tác giả của bài báo đang công tác tại các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Bài báo được đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục cơ sở dữ liệu của Web of science hoặc Scopus và được Scimago/Clarivate xếp hạng Q1 hoặc Q2.

b) Các bài báo không được hỗ trợ từ chính sách này, bao gồm: Bài báo là kết quả của các nhiệm vụ khoa học công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước hoặc bài báo đã được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc các quy định khác.

c) Bài báo quốc tế được hỗ trợ phải là kết quả nghiên cứu tự thân của tác giả hoặc nhóm tác giả, không thuộc nội dung của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đề tài, dự án, chương trình) đã hoặc đang được ngân sách nhà nước cấp kinh phí thực hiện dưới bất kỳ hình thức nào. Tác giả hoặc đồng tác giả phải cam kết chưa nhận bất kỳ khoản hỗ trợ nào từ các nguồn ngân sách nhà nước khác cho cùng một nội dung bài báo đã công bố.

3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho Tác giả hoặc đồng tác giả bài báo được đăng tải.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 30.000.000 đồng cho 01 bài báo thuộc danh mục Web of science hoặc Scopus và được Scimago/Clarivate xếp hạng Q1.

b) Hỗ trợ 20.000.000 đồng cho 01 bài báo thuộc danh mục Web of science hoặc Scopus và được Scimago/Clarivate xếp hạng Q2.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Quy định chuyển tiếp

Đối với các hồ sơ hỗ trợ đã được phê duyệt trước thời điểm quy định này có hiệu lực thi hành, thì tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.
